

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**QUẬN CẨM LỆ, TP ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/KDTM-ST  
Ngày: 30-9-2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng  
Mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Cương  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Trình  
Ông Trần Đức Hiếu

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 06/2024/TLST- KDTM ngày 17/01/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2024/QĐXXST-KDTM ngày 13/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2024/QĐST-KDTM ngày 24/9/2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M (gọi tắt là: Công ty M1 hoặc Công ty V); mã doanh nghiệp: 0400574640; Địa chỉ: B đường X, phường K, quận C, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chân T; chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Lê Văn H, ông Lê Trung H1, ông Lê Bá N. Ông T, ông H1 có mặt tại phiên tòa.

*- Bị đơn:* Công ty cổ phần K (sau đây viết tắt là công ty K); Địa chỉ: Số A đường B, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Mã doanh nghiệp: 0305050823; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Tấn C, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. Vắng mặt lần thứ 2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/01/2024 của Nguyên đơn Công ty cổ phần V và bản tự khai ngày 30/9/2024 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/6/2019, Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần V đã ký kết hợp đồng nguyên tắc số 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP mua bán vật liệu xây dựng với các nội dung chủ yếu sau:

Công ty cổ phần K đồng ý mua và Công ty M2 đồng ý bán các loại vật tư cho công trình F, giá trị hợp đồng theo từng hợp đồng chi tiết hoặc đơn hàng cụ thể, trong đó:

+ Đối với những vật tư, vật liệu cung cấp cho các hạng mục mà có đơn giá được áp dụng theo thời điểm thì hai bên xác nhận theo từng đơn hàng.

+ Đối với những vật tư, vật liệu cung cấp cho các hạng mục mà có đơn giá cố định thì ký hợp đồng cụ thể.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện: Mua bán vật liệu xây dựng cho hạng mục nhà Dom C2 đơn giá áp dụng theo từng thời điểm hai bên xác nhận theo từng đơn hàng. Phạt chậm thanh toán bằng lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng cho phần giá trị chậm thanh toán.

Kết quả thực hiện hợp đồng cụ thể như sau: Thực hiện theo hợp đồng nguyên tắc số 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP mua bán vật liệu xây dựng cho nhà Dom C:

- + Giá trị cung cấp hàng hóa là: 3.819.538.278 đồng.
- + Giá trị Công ty Cổ phần K đã chuyển trả: 2.187.060.747 đồng.
- + Giá trị nợ gốc Công ty cổ phần K còn nợ đến thời điểm ngày 31/12/2023: 1.632.477.531 đồng.
- + Phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị chậm thanh toán): 130.598.202 đồng
- + Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là: 690.640.188 đồng, trong đó bao gồm: Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày Công ty K chuyển tiền thanh toán lần cuối ngày 24/12/2019 đến ngày 30/9/2024 đối với khoản tiền gốc chưa thanh toán 1.024.355.162 đồng là: 439.995.623 đồng; Khoản tiền lãi chậm thanh toán của các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000951 xuất ngày 30/12/2019; 0001012 xuất ngày 31/12/2019; 0001111 xuất ngày 20/02/2020 và hóa đơn số 0001112 xuất ngày 20/02/2020 tính tại thời điểm xuất hóa đơn cộng thêm 30 ngày kể từ ngày xuất và tính lãi theo từng hóa đơn tạm tính đến ngày 30/9/2024 với số tiền là: 250.644.565 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty cổ phần K còn phải thanh toán cho Công ty cổ phần V và xây dựng M.E.I tính đến ngày 30/9/2024 là: 2.453.715.921 đồng.



Công ty V đã rất nhiều lần yêu cầu Công ty K thanh toán nợ nhưng đến nay Công ty K vẫn chưa thanh toán, như vậy Công ty K đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký với Công ty V. Vì vậy, Công ty cổ phần V và xây dựng M.E.I yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty cổ phần K phải trả một lần cho Công ty M.E.I toàn bộ công nợ của Hợp đồng 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP ngày 29/6/2019 tính đến ngày xét xử ngày 30/9/2024 là: 2.453.715.921 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, chín trăm hai mươi một đồng). Trong đó bao gồm:

- + Nợ gốc: 1.632.477.531 đồng.
- + Phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị chậm thanh toán): 130.598.202 đồng
- + Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là: 690.640.188 đồng

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã có văn bản đề nghị Sở K1 cung cấp tình trạng hoạt động của Công ty cổ phần K. Tại văn bản số 5230 ngày 03/6/2024, Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K1 xác định: Thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần K, mã doanh nghiệp C1 và gửi kèm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Trạng thái hoạt động: Công ty chưa đăng ký giải thể.

Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ cũng đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, TP H tiến hành mời bị đơn lên làm việc về một số nội dung của vụ án. Tuy nhiên Công ty K không hợp tác.

Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty K không cung cấp bản khai, trình bày ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, nguyện vọng của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V, buộc Công ty cổ phần K phải trả cho Công ty V số tiền: 2.453.715.921 đồng

(Hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, chín trăm hai mươi một đồng). Trong đó bao gồm:

+ Nợ gốc: 1.632.477.531 đồng.

+ Phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị chậm thanh toán): 130.598.202 đồng

+ Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là: 690.640.188 đồng

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên đương sự là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy, đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại điều 7 của Hợp đồng nguyên tắc số 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP ngày 29/6/2019 giữa Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần V quy định “ ...Nếu có tranh chấp mà hai bên không thỏa thuận được, thì sẽ khởi kiện đến tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng để giải quyết... ”. Nguyên đơn Công ty cổ phần V có địa chỉ tại quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công ty cổ phần K, người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Tấn C, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty cổ phần K.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn Công ty cổ phần V, thiết bị và đầu tư xây dựng M.E.I giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V, buộc Công ty cổ phần K phải trả cho Công ty V số tiền: 2.453.715.921 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, chín trăm hai mươi một đồng). Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.632.477.531 đồng; Phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị chậm thanh toán): 130.598.202 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là: 690.640.188 đồng. Bị đơn Công ty cổ phần K đã được tổng đạt



các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét ý kiến, trình bày của các đương sự trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ khoản nợ gốc với số tiền: 1.632.477.531 đồng:

Ngày 29/6/2019 Công ty cổ phần V và Công ty K tiến hành ký kết Hợp đồng nguyên tắc V/v mua bán vật liệu xây dựng số 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP. Nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng có đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật thương mại, được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V đã cung cấp hàng hóa cho Công ty K thi công tại Công trình F với giá trị hàng hóa là: 3.819.538.278 đồng, phía công ty K đã thanh toán được số tiền: 2.187.060.747 đồng, còn lại 1.632.477.531 đồng chưa thanh toán. Tại biên bản làm việc ngày 02/2/2021, Công ty K cũng xác nhận còn tiền cung cấp vật tư của Công ty V là 1.632.477.531 đồng. Từ đó đến nay phía công ty K vẫn chưa thanh toán khoản nợ này. Do đó, Công ty V yêu cầu Công ty K phải thanh toán khoản tiền nợ gốc theo Hợp đồng nguyên tắc V/v mua bán vật liệu xây dựng số 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP với số tiền 1.632.477.531 đồng (*một tỷ, sáu trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi một đồng*) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty V về việc yêu cầu công ty K phải trả khoản tiền phạt hợp đồng với số tiền: 130.598.202 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Điều 6 của Hợp đồng quy định về Phạt hợp đồng như sau “*Nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo quy định của hợp đồng thì bên A phải chịu phạt bằng lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng cho phần giá trị chậm thanh toán đó*”. Theo văn bản cung cấp về mức lãi của liên ngân gồm: Ngân hàng N1; Ngân hàng N2; Ngân hàng C2 thì lãi chậm trả trên 10%/năm. Số tiền Công ty K chậm thanh toán là 1.632.477.531 đồng, nguyên đơn Công ty V chỉ yêu cầu mức phạt vi phạm bằng 8% giá trị vi phạm với số tiền 130.598.202 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 300, Điều 301 của Luật Thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 với số tiền: 690.640.188 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Tại mục 4.3 của hợp đồng quy định “*Điều kiện thanh toán: Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua theo thỏa thuận của từng hợp đồng chi tiết hoặc từng đơn đặt*

*hàng được hai bên các nhận tại từng thời điểm cụ thể: chứng từ thanh toán: Biên bản giao nhận hàng có chữ ký xác nhận của hai bên tại Công trình; Hóa đơn GTGT".* Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng thời điểm có nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận là sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tại hợp đồng các bên không thỏa thuận về lãi chậm trả, mức lãi suất chậm trả. Theo hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thể hiện đối với các hóa đơn giá trị gia tăng Công ty M.E.I xuất từ ngày 31/10/2019 (hạn thanh toán là 30/11/2019) trở về trước thì phía bị đơn Công ty K đã thanh toán lần cuối vào ngày 24/12/2019. Nợ gốc theo Hợp đồng số 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP tính đến ngày 25/12/2019 với tổng số tiền 1.024.355.162 đồng, kể từ đó đến nay Công ty K chưa thanh toán khoản nợ gốc này cho Công ty V. Do đó, Công ty M.E.I yêu cầu Công ty K phải chịu khoản lãi chậm trả từ ngày 25/12/2019 đến ngày 30/9/2024 của khoản nợ gốc: 1.024.355.162 đồng với mức lãi suất 09%/năm với số tiền lãi là: 439.995.623 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng và phù hợp với Điều 306 Luật thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các hóa đơn gồm: Hóa đơn GTGT số: 0000951 xuất ngày 30/12/2019, số tiền 175.686.311 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001012 xuất ngày 31/12/2019, số tiền: 30.056.269 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001111 xuất ngày 20/02/2020, số tiền: 257.234.789 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001112 xuất ngày 20/02/2020, số tiền: 145.145.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc của các hóa đơn GTGT nêu trên là: 608.122.369 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tính khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc tại các hóa đơn GTGT nêu trên tính từ thời điểm sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn đến ngày xét xử ngày 30/9/2024, với mức lãi suất 09%/năm với tổng số tiền lãi của 04 Hóa đơn GTGT nêu trên là: 250.644.565 đồng theo bảng tính lãi nguyên đơn cung cấp là phù hợp với thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng số tiền lãi chậm trả Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn Công ty K phải thanh toán cho Công ty V là: 690.640.188 đồng.

Tổng số tiền mà Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn Công ty K phải thanh toán cho Công ty V theo Hợp đồng nguyên tắc V/v mua bán vật liệu xây dựng số 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP ngày 29/6/2019 là: 2.453.715.921 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, chín trăm hai mươi một đồng). Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.632.477.531 đồng; Phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị chậm thanh toán): 130.598.202 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là: 690.640.188 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại:



Bị đơn Công ty K phải chịu 81.074.318 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

### I. Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 117; 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Điều 24, 50, 300, 301, 306 Luật Thương mại;

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### II. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần V đối với Công ty cổ phần K về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

1. Buộc Công ty cổ phần K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần V tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2024 theo Hợp đồng nguyên tắc V/v mua bán vật liệu xây dựng số 0307/2019/HĐMBVT-MEI/HP ngày 29/6/2019 là: 2.453.715.921 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng*). Trong đó bao gồm:

+ Nợ gốc: 1.632.477.531 đồng (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi mốt đồng*);

+ Phạt vi phạm hợp đồng: 130.598.202 đồng (*Một trăm ba mươi triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm lẻ hai đồng*);

+ Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là: 690.640.188 đồng (*Sáu trăm chín mươi triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, một trăm tám mươi tám đồng*)

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Công ty cổ phần K phải chịu 81.074.318 đồng (T1 mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm mười tám đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 40.332.838 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số 0000613 ngày 17/01/24 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niên yết bản sao bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Văn Cường**